UỶ BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG BẮC AN PHỤ**	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 495/QĐ-UBND	*Bắc An Phụ, ngày 24 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025

UỶ BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Thông tư 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Căn cứ Nghị Quyết số 15/NQ- HĐND, ngày 22 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Bắc An Phụ về việc phê chuẩn Quyết toán thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng & Đô thị phường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; quyết toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025 của phường Bắc An Phụ.

(*Theo các biểu mẫu đính kèm*)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Chánh văn phòng HĐND-UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, Giám đốc Trung tâm dịch vụ sự nghiệp công tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- *Sở Tài chính thành phố;*
- *TT Đảng ủy, HĐND phường; (báo cáo)*
- *Lãnh đạo UBND phường*
- *Lưu VT, KTHT&ĐT.*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Mạc Thị Huyền

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 116/CKTC-NSNN

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 24/04/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
TỔNG SỐ THU	**150.366.387.731**	**TỔNG SỐ CHI**	**150.334.507.731**
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	1.550.084.531	I. Chi đầu tư phát triển	15.880.519.378
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	2.084.164.794	II. Chi thường xuyên theo lĩnh vực	125.733.357.314
III. Thu bổ sung	**142.759.719.320**	III. Chi chuyển nguồn sang năm sau	8.634.084.039
Bổ sung cân đối	93.111.000.000	IV. Chi nộp ngân sách cấp trên	86.547.000
Bổ sung có mục tiêu	49.648.719.320		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	**7.641.722**		
V. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyể	**3.964.777.364**		
Kết dư ngân sách	31.880.000		

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 117/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 24/04/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán		QUYẾT TOÁN		So sánh (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG SỐ THU	**120.198.104.000**	**117.165.104.000**	**270.440.160.968**	**150.366.387.731**	**225,00**	**128,34**
I	**Các khoản thu xã hưởng 100%**	**747.000.000**	**733.000.000**	**3.712.724.590**	**1.712.295.008**	**497,02**	**233,60**
2	Các loại phí, lệ phí	67.000.000	53.000.000	450.931.307	336.719.867	673,03	635,32
4	Thu khác ngân sách	100.000.000	100.000.000	2.186.190.283	299.972.141	2.186,19	299,97
4	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	580.000.000	580.000.000	1.075.603.000	1.075.603.000	35,85	185,45
II	**Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ**	**4.062.000.000**	**1.043.000.000**	**119.995.297.972**	**1.921.954.317**	**2.954,09**	**184,27**
	Lệ phí trước bạ	200.000.000		3.437.669.640			
	Thuế tài nguyên			806.240			
	Thu tiền sử dụng đất	3.000.000.000	800.000.000	113.692.473.285	1.053.485.000		131,69
	Thuế GTGT	422.000.000	127.000.000	19.244.552	229.967.875	4,56	181,08
	Thuế giá trị gia tăng hàng sản xuất - kinh doanh trong nước có vốn đầu tư nước ngoài			81.648.000			
	Thuế thu nhập	388.000.000	116.000.000	2.194.581.344	638.501.442	565,61	550,43
	Thuế thu nhập doanh nghiệp giữ vai trò chủ đạo địa phương quản lý			11.570.750			
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	52.000.000		557.304.161			
III	**Thu Viện trợ**						
IV	**Thu chuyển nguồn**			**3.964.777.364**	**3.964.777.364**		
V	**Thu kết dư ngân sách năm trước**			**7.641.722**	**7.641.722**		
VI	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**115.389.104.000**	**115.389.104.000**	**142.759.719.320**	**142.759.719.320**	**123,72**	**123,72**
-	Bổ sung cân đối	93.111.000.000	93.111.000.000	93.111.000.000	93.111.000.000	100,00	100,00
-	Bổ sung có mục tiêu	22.278.104.000	22.278.104.000	49.648.719.320	49.648.719.320	222,86	

UBND PHƯỜNG BẮC AN PHỤ

Biểu số 118/CK-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 495/QĐ-UBND ngày 24/04/2026 của UBND phường Bắc An Phụ)

Đơn vị tính: Đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			So sánh (%)		
		TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX	TỔNG SỐ	XDCB	TX
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	**117.165.104.000**	**800.000.000**	**116.365.104.000**	**40.470.165.766**	**15.880.519.378**	**125.733.357.314**	**34,54**	**1.985,06**	**108,05**
	Trong đó									
1	Chi giáo dục	62.003.000.000	550.000.000	61.453.000.000	19.446.729.515	6.332.393.744	66.297.947.540	31,36	1.151,34	107,88
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	145.000.000		145.000.000	846.289.123		145.000.000	583,65		100,00
4	Chi văn hóa, thông tin	240.000.000		240.000.000	325.341.248		240.000.000	135,56		100,00
5	Chi phát thanh, truyền thanh	216.000.000		216.000.000	120.124.000		216.000.000	55,61		100,00
6	Chi thể dục thể thao	175.000.000		175.000.000	39.820.480		235.000.000	22,75		134,29
7	Chi bảo vệ môi trường	72.000.000		72.000.000			72.000.000	-		100,00
8	Chi các hoạt động kinh tế	1.784.000.000	250.000.000	1.534.000.000		4.842.470.634	1.584.000.000	-	1.936,99	103,26
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	44.757.104.000		44.757.104.000	10.414.826.450	1.382.452.000	42.593.860.574	23,27		95,17
10	Chi cho công tác xã hội	2.886.000.000		2.886.000.000	8.002.071.083		11.902.543.200	277,27		412,42
11	Chi quốc phòng	986.000.000		986.000.000	1.007.015.267		999.950.000	102,13		101,41
12	Chi an ninh	1.374.000.000		1.374.000.000	267.948.600	3.323.203.000	1.447.056.000	19,50		105,32
13	Chi các lĩnh vực khác theo quy định của pháp luật	43.000.000		43.000.000				0		-
B	Các nhiệm vụ chi khác									
C	Dự phòng ngân sách	2.484.000.000		2.484.000.000				0		